

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SDP (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (cũ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000131 ngày 24 tháng 12 năm 2003 với tên gọi Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Sông Đà, đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 19 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đã đổi số đăng ký doanh nghiệp thành số 0500444772.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 15 lần được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do thay đổi ngành nghề kinh doanh, loại hình doanh nghiệp, tăng vốn điều lệ và thay đổi tên công ty. Trong đó giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 26 tháng 3 năm 2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty và trụ sở chính.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 02432216425
- Fax : 02432216423

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, cát, đá, sỏi, kính xây dựng);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (chi tiết: kinh doanh dịch vụ bất động sản như dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, tư vấn, môi giới, định giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: kinh doanh bất động sản);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (chi tiết: công nghiệp, công trình thủy lợi, thủy điện, xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV)/.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Trường Tam	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2020
Ông Vũ Trọng Hùng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2020
Ông Đinh Mạnh Hưng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Lưu Văn Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Bà Đặng Thị Phương Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2020
Bà Vũ Thị Ánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Phùng Minh Bằng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 8 năm 2018
Bà Ngô Thị Thúy Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Bà Đặng Thị Phương Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018
Ông Ứng Trọng Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2020 Bổ nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Trường Tam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2020
Ông Vũ Trọng Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 8 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2020
Ông Nguyễn Huy Thiêm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 9 năm 2018
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 3 năm 2020 Miễn nhiệm ngày 13 tháng 10 năm 2020
Ông Nguyễn Danh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 10 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Phạm Trường Tam	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2020
Ông Vũ Trọng Hùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2020

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc 



Phạm Trường Tam

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn

Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot SIH06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0263/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SDP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần SDP (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công nợ phải thu và Công nợ phải trả chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 01 tháng 01 năm 2020. Công nợ phải thu chưa được đối chiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 01 tháng 01 năm 2020 lần lượt là 116.313.145.36 VND và 124.232.346.063 VND (xem thuyết minh V.3, V.4), công nợ phải trả chưa được đối chiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 01 tháng 01 năm 2020 lần lượt là 141.770.255.197 VND và 160.929.336.886 VND (xem thuyết minh số V12, V.13, V16). Bằng các thủ tục kiểm toán bổ sung, thay thế, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về số dư nêu trên, cũng như ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty (nếu có).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về khoản lỗ thuần 23.077.078.631 VND của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 36.208.496.798 VND. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong thuyết minh số VII.4, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ngoài ra, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.11 về Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Dự án Khu dân cư Vĩnh Thanh Nhơn Trạch Đồng Nai có số dư lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2020 là 20.898.229.995 VND (chậm triển khai dự án do thiếu vốn), việc dự án có bị thu hồi hay không tùy thuộc vào cơ quan chức năng có thẩm quyền.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2963- 2020-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		262.731.304.142	336.365.768.410
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	869.893.430	4.004.456.524
1. Tiền	111		869.893.430	4.004.456.524
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.049.394.390	1.462.288.390
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	3.427.668.981	3.449.268.981
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(2.378.274.591)	(1.986.980.591)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		206.887.545.978	233.562.050.687
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	218.254.368.185	244.318.978.464
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.299.014.145	6.192.771.545
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	12.378.732.309	12.432.475.659
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(32.044.568.661)	(29.382.174.981)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		52.445.144.645	94.588.634.763
1. Hàng tồn kho	141	V.7	58.346.603.302	100.490.093.420
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(5.901.458.657)	(5.901.458.657)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.479.325.699	2.748.338.046
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.479.325.699	2.748.338.046
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		88.765.010.996	103.778.759.928
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		38.140.793.104	38.136.793.104
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	38.140.793.104	38.136.793.104
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		21.718.047.316	25.555.796.248
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	21.718.047.316	25.548.559.574
<i>Nguyên giá</i>	222		30.719.533.653	37.677.482.094
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(9.001.486.337)	(12.128.922.520)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	7.236.674
<i>Nguyên giá</i>	228		156.840.000	156.840.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(156.840.000)	(149.603.326)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	21.398.229.995	21.398.229.995
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		20.898.229.995	20.898.229.995
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		500.000.000	500.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.507.940.581	18.687.940.581
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	33.626.484.267	33.626.484.267
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	13.507.940.581	13.507.940.581
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(39.626.484.267)	(39.626.484.267)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2c	-	11.180.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		351.496.315.138	440.144.528.338

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		298.939.800.940	364.510.935.509
I. Nợ ngắn hạn	310		298.939.800.940	364.510.935.509
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	204.191.721.119	229.826.916.317
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	7.778.655.376	8.186.799.376
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.498.790.212	2.064.912.022
4. Phải trả người lao động	314		275.582.889	2.528.771.165
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	4.339.727.252	22.744.031.819
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		244.402.883	244.544.303
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	21.106.278.830	22.067.533.389
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	56.207.358.560	75.528.593.299
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1.297.283.819	1.318.833.819
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		52.556.514.198	75.633.592.829
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	52.556.514.198	75.633.592.829
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.144.720.000	111.144.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.144.720.000	111.144.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		25.412.622.500	25.412.622.500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		213.538.854	213.538.854
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.256.346.554	10.256.346.554
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(94.470.713.710)	(71.393.635.079)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(71.393.635.079)	(71.393.635.079)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(23.077.078.631)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		351.496.315.138	440.144.528.338

Người lập biểu



Lê Trần Tuyết Chinh

Kế toán trưởng



Nguyễn Danh Sơn

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc




Phạm Trường Tam

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	14.538.846.688	153.545.608.558
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.738.366.848	252.282.985
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	12.800.479.840	153.293.325.573
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	26.350.961.707	141.399.552.426
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(13.550.481.867)	11.893.773.147
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	253.741.893	3.420.740.162
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	6.306.226.208	9.259.287.386
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.914.340.729	9.237.531.704
8. Chi phí bán hàng	25		-	289.818.373
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.951.813.093	12.814.259.466
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(25.554.779.275)	(7.048.851.916)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.128.287.795	48.060.626
12. Chi phí khác	32	VI.8	650.587.151	129.299.633
13. Lợi nhuận khác	40		2.477.700.644	(81.239.007)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(23.077.078.631)	(7.130.090.923)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(23.077.078.631)	(7.130.090.923)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9		

Người lập biểu

Lê Trần Tuyết Chinh

Kế toán trưởng

Nguyễn Danh Sơn

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Phạm Trường Tam

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(23.077.078.631)		(7.130.090.923)
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.9, 10		1.464.473.909		1.628.509.964
- Các khoản dự phòng	03		3.053.687.680		5.551.988.818
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4		490.289		23.889.423
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.372.912.284)		(2.785.777.037)
- Chi phí lãi vay	06 VI.5		5.914.340.729		9.237.531.704
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-		-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(16.016.998.308)		6.526.051.949
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		24.008.111.029		89.879.998
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		42.143.490.118		14.572.534.226
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(46.624.702.213)		(32.284.877.036)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.269.012.347		23.964.377.565
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		21.600.000		20.000.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.517.988.346)		(9.237.531.704)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-		-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-		-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.18		(21.550.000)		(180.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(739.025.373)		3.469.834.998
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-		-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		5.494.737.307		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.180.000.000		26.420.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-		-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-		-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		251.450.000		2.785.777.037
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16.926.187.307		29.205.777.037

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	21.273.546.659	97.366.192.358
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(40.594.781.398)	(133.003.165.795)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.321.234.739)	(35.636.973.437)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.134.072.805)	(2.961.361.402)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.004.456.524	6.966.892.060
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(490.289)	(1.074.134)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	869.893.430	4.004.456.524

Người lập biểu

Lê Trần Tuyết Chinh

Kế toán trưởng

Nguyễn Danh Sơn

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc

Phạm Trường Tam

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SDP (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và thương mại dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: khai thác cát, đá sỏi, đất sét; xây dựng nhà các loại; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp trong xây dựng; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; bán buôn kim loại và quặng kim loại; bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (xăng dầu và các sản phẩm liên quan, khí công nghiệp, khí gas); sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH Đầu tư Khai thác Khoáng sản Sotraco có trụ sở chính tại số nhà B28, TT12 khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là: Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng khác và khai khoáng khác. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ góp vốn.

6. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2020 là năm khó khăn với toàn bộ nền kinh tế trong và ngoài nước do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, sản xuất kinh doanh của các đối tác khách hàng còn công nợ gặp nhiều khó khăn dẫn tới việc thu vốn bị giảm sút; Đối với Công ty các dự án lớn như Sông Hậu 1 và Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 ... do khó khăn về vốn nên việc thu vốn tại hai Dự án này thực hiện được rất thấp, Dự án NMNĐ Thái Bình 2 tạm dừng thi công trong năm 2020. Do vậy trong năm Công ty tập trung thực hiện quyết toán và thu hồi vốn các công trình dở dang do vậy doanh năm nay sụt giảm mạnh so với năm trước.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 16 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 27 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ: tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.



CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản công nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán khác:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí Ban quản lý dự án chưa phân bổ vào công trình và Công cụ, dụng cụ. Các chi phí này được phân bổ khi ghi nhận doanh thu của các công trình.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chính các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp và chỉ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên không lập Báo cáo theo bộ phận.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	669.440.520	542.395.142
Tiền gửi ngân hàng	200.452.910	3.462.061.382
Cộng	<u>869.893.430</u>	<u>4.004.456.524</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
HOM	1.565.530.000	342.000.000	(1.223.530.000)	1.565.530.000	342.000.000	(1.223.530.000)
SCC	770.500.000	80.250.000	(690.250.000)	770.500.000	141.240.000	(629.260.000)
PCT	1.032.200.000	567.710.000	(464.490.000)	1.032.200.000	898.014.000	(134.186.000)
Cổ phiếu khác	59.438.981	112.933.400	(4.591)	81.038.981	183.913.400	(4.591)
Cộng	<u>3.427.668.981</u>	<u>1.102.893.400</u>	<u>(2.378.274.591)</u>	<u>3.449.268.981</u>	<u>1.565.167.400</u>	<u>(1.986.980.591)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.986.980.591	2.019.834.691
Trích lập dự phòng bổ sung	391.294.000	82.576.000
Hoàn nhập dự phòng	-	(115.430.100)
Số cuối năm	2.378.274.591	1.986.980.591

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	33.626.484.267	(33.626.484.267)	33.626.484.267	(33.626.484.267)
Công ty TNHH Đầu tư Khai thác Khoáng sản Sotraco	33.626.484.267	(33.626.484.267)	33.626.484.267	(33.626.484.267)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.507.940.581	(6.000.000.000)	13.507.940.581	(6.000.000.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện ĐăkĐrinh	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrtih	7.207.940.581	-	7.207.940.581	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	4.500.000.000	(4.500.000.000)	4.500.000.000	(4.500.000.000)
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu Khí	1.500.000.000	(1.500.000.000)	1.500.000.000	(1.500.000.000)
Cộng	47.134.424.848	(39.626.484.267)	47.134.424.848	(39.626.484.267)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con đang bị Chi cục Thuế quận Hà Đông áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng do có số tiền quá hạn nộp theo Thông báo số 25833/QĐ-CCT-QLN ngày 27 tháng 10 năm 2017.

Trong năm 2020, Công ty con đã tạm dừng hoạt động, không phát sinh doanh thu, giá vốn hoạt động SXKD chính.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Trong năm, dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không biến động.

2c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

Là trái phiếu mua của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thời hạn 84 tháng và 120 tháng kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2018, giá trị lần lượt là 6.710.000.000 VND và 4.470.000.000 VND, lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn Ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi + 1% (một phần trăm)/năm, trả lãi sau khi đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí và Lắp máy Việt Nam	17.994.658.033	17.994.658.033
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Hà Nội	36.626.935.480	36.626.935.480
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	27.980.847.297	30.538.353.934
Các khách hàng khác	135.651.927.375	159.159.031.017
Cộng	<u>218.254.368.185</u>	<u>244.318.978.464</u>
Trong đó:		
Chưa đối chiếu, xác nhận	133.517.309.792	145.291.790.809
Đã dự phòng	24.503.178.572	26.252.216.291

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Kiến trúc Đô thị Nam Thăng Long	1.307.486.248	1.307.486.248
Công ty Cổ phần Lilama 69-2	1.000.000.000	1.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	5.991.527.897	3.885.285.297
Cộng	<u>8.299.014.145</u>	<u>6.192.771.545</u>

Trong đó, công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 01 tháng 01 năm 2020 chưa được đối chiếu xác nhận lần lượt là 7.299.014.145 VND và 5.192.771.545 VND.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	10.177.424.800	(7.036.611.265)	10.219.375.466	(4.650.804.148)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Long Thành	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(350.000.000)
Các cá nhân khác	1.701.307.509	(1.658.860.463)	1.713.100.193	(1.614.275.090)
Cộng	<u>12.378.732.309</u>	<u>(9.195.471.728)</u>	<u>12.432.475.659</u>	<u>(6.615.079.238)</u>

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản phải thu Công ty TNHH Đầu tư và Khai thác Khoáng sản Sotraco (công ty con) về cấp vốn kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị dự phòng		Giá gốc	Giá trị dự phòng
Công nợ phải thu khách hàng		24.503.178.572	(22.849.096.933)		26.252.216.291	(22.767.095.743)
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu Khí	>3 năm	5.323.419.476	(5.323.419.476)	>3 năm	5.323.419.476	(5.323.419.476)
Công ty Xây lắp và Sản xuất Vật liệu Xây dựng số 1 Sico	>3 năm	2.321.960.636	(2.321.960.636)	>3 năm	2.321.960.636	(2.321.960.636)
Công ty Cổ phần Hàng Kênh	>3 năm	2.934.075.957	(2.934.075.957)	>3 năm	2.934.075.957	(2.934.075.957)
Chi nhánh Công ty Sông Đà 4.10	>3 năm	1.850.340.014	(1.297.053.814)	>3 năm	1.850.340.014	(1.850.340.014)
Các đối tượng khác	>1 năm, < 3 năm	12.073.382.489	(10.972.587.050)	>1 năm, < 3 năm	13.822.420.208	(10.337.299.660)
Công nợ các tổ chức và cá nhân khác		11.490.536.014	(9.195.471.728)		10.828.367.130	(6.615.079.238)
Ông Nguyễn Văn Dũng	>2 năm, <3 năm	1.577.000.000	(1.103.900.000)	>1 năm, <2 năm	1.577.000.000	(788.500.000)
Các đối tượng khác	>1 năm, < 3 năm	9.913.536.014	(8.091.571.728)	>1 năm, < 3 năm	9.251.367.130	(5.826.579.238)
Cộng		35.993.714.586	(32.044.568.661)		37.080.583.421	(29.382.174.981)
Trong đó:						
Công nợ phải thu khách hàng		24.503.178.572	(22.849.096.933)		26.252.216.291	(22.767.095.743)
Công nợ tạm ứng		9.290.741.913	(7.036.611.265)		8.081.995.755	(4.650.804.148)
Công nợ phải thu khác		2.199.794.101	(2.158.860.463)		2.746.371.375	(1.964.275.090)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	29.382.174.981	23.797.332.063
Trích lập dự phòng bổ sung	5.323.959.814	5.589.614.292
Hoàn nhập dự phòng	(2.661.566.134)	(4.771.374)
Số cuối năm	32.044.568.661	29.382.174.981

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	146.275.265	-	1.074.597.327	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	50.577.165.973	-	91.792.334.029	-
Công trình nhiệt điện Thái Bình 2	28.198.717.904	-	43.750.493.741	-
Công trình Sông Hậu	10.821.572.146	-	13.342.171.103	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	7.623.162.064	(5.901.458.657)	7.623.162.064	(5.901.458.657)
Cộng	58.346.603.302	(5.901.458.657)	100.490.093.420	(5.901.458.657)

Trong năm, dự phòng giảm giá hàng tồn kho không biến động.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dự án nhiệt điện Thái Bình 2	1.131.143.324	2.711.336.004
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	348.182.375	37.002.042
Cộng	1.479.325.699	2.748.338.046

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	27.832.285.481	6.322.826.813	3.297.358.436	225.011.364	37.677.482.094
Thanh lý, nhượng bán	(4.046.301.493)	(2.159.192.727)	(611.542.857)	(140.911.364)	(6.957.948.441)
Số cuối năm	23.785.983.988	4.163.634.086	2.685.815.579	84.100.000	30.719.533.653

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	354.274.373	1.657.333.761	84.100.000	2.095.708.134
Chờ thanh lý					

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	4.734.482.652	4.407.737.694	2.761.690.810	225.011.364	12.128.922.520
Khấu hao trong năm	792.369.196	536.307.815	128.560.224	-	1.457.237.235
Thanh lý, nhượng bán	(1.787.571.894)	(2.044.647.303)	(611.542.857)	(140.911.364)	(4.584.673.418)
Số cuối năm	3.739.279.954	2.899.398.206	2.278.708.177	84.100.000	9.001.486.337

Giá trị còn lại

Số đầu năm	23.097.802.829	1.915.089.119	535.667.626	18.758.341	25.548.559.574
Số cuối năm	20.046.704.034	1.264.235.880	407.107.402	-	21.718.047.316

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng
Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.278.708.177 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây.

10. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình, phần mềm máy tính. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	156.840.000	149.603.326	7.236.674
Khấu hao trong năm	-	7.236.674	(7.236.674)
Số cuối năm	156.840.000	156.840.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản dở dang dài hạn

	Số đầu năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	500.000.000	500.000.000
<i>Văn phòng 281 Tôn Đức Thắng, Hà Nội</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	20.898.229.995	20.898.229.995
<i>Hạ tầng khu dân cư xã Vĩnh Thanh, huyện Nhon Trạch, Đồng Nai(*)</i>	<i>20.898.229.995</i>	<i>20.898.229.995</i>
Cộng	21.398.229.995	21.398.229.995

(*) Dự án đang chậm triển khai do thiếu vốn. Việc dự án có bị thu hồi hay không tùy thuộc vào cơ quan chức năng có thẩm quyền.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>2.950.000.000</i>	<i>2.950.000.000</i>
Công ty TNHH Đầu tư Khai thác Khoáng sản Sotraco	2.950.000.000	2.950.000.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>201.241.721.119</i>	<i>226.876.916.317</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	32.683.500.972	32.683.500.972
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Seen	30.685.110.925	30.685.110.925
Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại - Dịch vụ Tân Vũ	27.957.152.325	38.957.152.325
Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức	20.626.208.500	20.626.208.500
Công ty TNHH Thương mại Thành An	14.786.726.200	14.786.726.200
Các nhà cung cấp khác	74.503.022.197	89.138.217.395
Cộng	204.191.721.119	229.826.916.317

Trong đó, công nợ phải trả người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 01 tháng 01 năm 2020 chưa được đối chiếu xác nhận lần lượt là 135.247.228.606 VND và 153.971.566.295 VND.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban điều hành Nhà máy nhiệt điện Thái Bình	4.996.056.787	4.996.056.787
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới Lắp máy dầu khí	1.009.800.000	1.009.800.000
Các khách hàng khác	1.772.798.589	2.180.942.589
Cộng	7.778.655.376	8.186.799.376

Trong đó, công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 01 tháng 01 năm 2020 chưa được đối chiếu xác nhận lần lượt là 2.782.598.589 VND và 3.190.742.589 VND.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.477.236.118	1.974.324.252	(903.082.826)	2.548.477.544
Thuế thu nhập cá nhân	534.751.725	90.708.737	-	625.460.462
Thuế nhà đất	-	4.413.802	(4.413.802)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	52.924.179	294.928.027	(23.000.000)	324.852.206
Cộng	2.064.912.022	2.367.374.818	(933.496.628)	3.498.790.212

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10 %.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(23.077.078.631)	(7.130.090.923)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	650.587.151	157.131.135
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(22.426.491.480)	(6.972.959.788)
Thu nhập được miễn thuế	251.450.000	634.424.000
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	(22.175.041.480)	(6.338.535.788)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi vay phải trả	2.691.088.111	2.294.735.728
Chi phí công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	-	20.077.547.788
Chi phí các công trình khác	1.608.639.141	285.724.882
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	40.000.000	86.023.421
Cộng	4.339.727.252	22.744.031.819

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	81.970.601	76.223.212
Bảo hiểm	-	235.248.491
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.926.231.390	8.926.231.390

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền đền bù mỏ đá Hang Làng	4.913.917.000	4.913.917.000
Các quỹ tự nguyện	726.457.145	735.334.198
Cổ tức giữ hộ	1.315.176.781	1.296.358.808
Ủy thác đầu tư (*)	3.740.428.002	3.767.028.002
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.402.097.911	2.117.192.288
Cộng	<u>21.106.278.830</u>	<u>22.067.533.389</u>

(*) Khoản nhận ủy thác đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 01 tháng 01 năm 2020 chưa có đối chiếu công nợ.

17. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	50.147.358.560	73.814.777.299
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Tây</i> ⁽ⁱ⁾	50.147.358.560	73.814.777.299
Vay Bà Vũ Thị Anh ⁽ⁱⁱ⁾	6.060.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Tây	-	1.713.816.000
Cộng	<u>56.207.358.560</u>	<u>75.528.593.299</u>

(i) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng 01/2017/178571/HĐTD ngày 18 tháng 8 năm 2017, dư nợ tối đa là 380.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và phát hành L/C, lãi suất từ 7,8%/năm đến 8,7%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Tài sản thế chấp là xe 2 ô tô 7 chỗ Toyota Fortunner và xe ô tô innova.

(ii) Khoản vay cá nhân bà Vũ Thị Anh theo Hợp đồng huy động vốn số 02/2020 ngày 05 tháng 6 năm 2020 lãi suất 10,1%/năm, không xác định thời hạn, khoản vay không có tài sản thế chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số tiền vay			
	<u>Số đầu năm</u>	<u>phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	73.814.777.299	14.813.546.659	(38.480.965.398)	50.147.358.560
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	6.460.000.000	(400.000.000)	6.060.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.713.816.000	-	(1.713.816.000)	-
Cộng	<u>75.528.593.299</u>	<u>21.273.546.659</u>	<u>(40.594.781.398)</u>	<u>56.207.358.560</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	965.652.330	-	965.652.330
Quỹ phúc lợi	353.181.489	(21.550.000)	331.631.489
Cộng	<u>1.318.833.819</u>	<u>(21.550.000)</u>	<u>1.297.283.819</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	111.144.720.000	25.412.622.500	213.538.854	10.256.346.554	(64.263.544.156)	82.763.683.752
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	(7.130.090.923)	(7.130.090.923)
Số dư cuối năm trước	111.144.720.000	25.412.622.500	213.538.854	10.256.346.554	(71.393.635.079)	75.633.592.829
Số dư đầu năm nay	111.144.720.000	25.412.622.500	213.538.854	10.256.346.554	(71.393.635.079)	75.633.592.829
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	(23.077.078.631)	(23.077.078.631)
Số dư cuối năm nay	111.144.720.000	25.412.622.500	213.538.854	10.256.346.554	(94.470.713.710)	52.556.514.198

19b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.114.472	11.114.472
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.114.472	11.114.472
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.114.472	11.114.472
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.114.472	11.114.472
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.114.472	11.114.472
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	295,02	2.685,95
Euro (EUR)	93,75	639,02

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	-	19.783.547.818
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.232.417.528	2.263.340.176
Doanh thu hoạt động xây dựng	12.306.429.160	112.302.364.080
Doanh thu bán dự án	-	19.196.356.484
Cộng	<u>14.538.846.688</u>	<u>153.545.608.558</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khối lượng xây lắp bị cắt giảm khi quyết toán.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	18.535.661.321
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	1.870.924.381
Giá vốn hoạt động xây dựng	12.361.338.074	102.686.709.273
Giá vốn bán dự án	-	18.306.257.451
Chi phí công trình hết sản lượng	13.989.623.633	
Cộng	<u>26.350.961.707</u>	<u>141.399.552.426</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	1.378.809	2.785.777.037
Cổ tức, lợi nhuận được chia	251.450.000	634.424.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	913.084	539.125
Cộng	<u>253.741.893</u>	<u>3.420.740.162</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	5.914.340.729	9.237.531.704
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	490.289	23.889.423
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	391.294.000	(32.854.100)
Chi phí tài chính khác	101.190	30.720.359
Cộng	<u>6.306.226.208</u>	<u>9.259.287.386</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.577.072.545	3.254.090.664
Chi phí vật liệu quản lý	152.997.203	327.962.758
Chi phí khấu hao tài sản cố định	135.796.898	160.598.573
Thuế, phí và lệ phí	100.704.131	401.833.373
Dự phòng phải thu khó đòi	2.662.393.680	5.584.842.918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	718.315.530	1.450.045.853
Các chi phí khác	604.533.106	1.634.885.327
Cộng	<u>5.951.813.093</u>	<u>12.814.259.466</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ phạt hợp đồng	-	15.658.981
Thu từ lãi nợ quá hạn	-	32.251.000
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.121.462.284	-
Thu nhập khác	6.825.511	150.645
Cộng	<u>3.128.287.795</u>	<u>48.060.626</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	650.587.151	26.287.508
Tiền chậm nộp bảo hiểm	-	34.843.627
Chi phí khác	-	68.168.498
Cộng	<u>650.587.151</u>	<u>129.299.633</u>

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.105.126.499	38.786.992.868
Chi phí nhân công	1.843.548.906	3.452.327.429
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.464.473.909	1.628.509.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	961.740.985	30.451.819.244
Chi phí khác	3.387.346.930	28.564.769.485
Cộng	<u>9.762.237.229</u>	<u>102.884.418.990</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có công nợ và không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Thưởng	Cộng thu nhập
Năm nay					
Hội đồng quản trị					
Ông Phạm Trường Tam	Chủ tịch/ Tổng giám đốc	331.390.909	30.000.000	-	361.390.909
Ông Vũ Trọng Hùng	Thành viên	48.068.182	-	22.000.000	70.068.182
Ông Đinh Mạnh Hưng	Thành viên	-	5.000.000	37.000.000	42.000.000
Ông Lưu Văn Hải	Thành viên	-	-	22.000.000	22.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	-	-	42.000.000	42.000.000
Bà Đặng Thị Phương Thủy	Thành viên	-	5.000.000	15.600.000	20.600.000
Bà Vũ Thị Ánh	Thành viên	-	-	20.000.000	20.000.000
Ban Tổng Giám đốc					
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Phó Tổng Giám đốc	161.840.590	-	-	161.840.590
Ông Nguyễn Danh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	271.090.728	20.000.000	-	291.090.728
Ban Kiểm soát					
Bà Phùng Minh Bằng	Trưởng ban	-	3.000.000	33.500.000	36.500.000
Bà Ngô Thị Thúy Hương	Thành viên	154.427.142	15.000.000	16.500.000	185.927.142
Bà Đặng Thị Phương Thủy	Thành viên	-	-	8.400.000	8.400.000
Cộng		1.053.237.333	87.000.000	224.500.000	1.364.737.333
Năm trước					
Hội đồng quản trị					
Ông Phạm Trường Tam	Chủ tịch	268.800.000	6.000.000	-	274.800.000
Ông Vũ Trọng Hùng	Thành viên /Tổng Giám đốc	255.000.000	6.000.000	38.400.000	299.400.000
Ông Đinh Mạnh Hưng	Thành viên	-	6.000.000	38.400.000	44.400.000
Ông Lưu Văn Hải	Thành viên	-	6.000.000	172.800.000	178.800.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	-	6.000.000	38.400.000	44.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SDP

Địa chỉ: Ngõ 795 Đường Quang Trung, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Thưởng	Cộng thu nhập
Ban Tổng Giám đốc					
Ông Nguyễn Huy Thiêm	Phó Tổng Giám đốc	183.000.000	6.000.000	-	189.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Phó Tổng Giám đốc	202.350.000	6.000.000	-	208.350.000
Ban Kiểm soát					
Bà Phùng Minh Bằng	Trưởng ban	-	6.000.000	38.400.000	44.400.000
Bà Ngô Thị Thúy Hương	Thành viên	11.600.000	6.000.000	14.400.000	32.000.000
Bà Đặng Thị Phương Thủy	Thành viên	160.082.983	6.000.000	14.400.000	180.482.983
Ông Ứng Trọng Hải	Thành viên	112.919.048	6.000.000	-	118.919.048
Cộng		1.193.752.031	66.000.000	355.200.000	1.614.952.031

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty chỉ có công ty con, Công ty TNHH Đầu tư Khai thác Khoáng sản Sotraco

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Xem thuyết minh số V12.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp và hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 01 tháng 01 năm 2020 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn lần lượt là 36.208.496.798 VND và 28.145.167.099 VND, Công ty tiếp tục bị lỗ 23.077.078.631 VND, ngoài ra khoản lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 94.470.713.710 VND. Yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, một số nhà cung cấp cam kết sẽ tiếp tục cung cấp nguyên vật liệu và hỗ trợ tài chính cho Công ty bằng cách bảo lãnh các khoản nợ vay, không yêu cầu Công ty hoàn trả tiền nợ mua nguyên vật liệu cho đến khi Công ty có khả năng trả nợ. Một số Dự án lớn đã có dấu hiệu tốt khởi sắc thi công trở lại như Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 ... Ngoài ra Công ty đang thực hiện đấu thầu tại một số công việc mới tại Sơn La ... Do vậy, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Lê Trần Tuyết Chinh

Kế toán trưởng

Nguyễn Danh Sơn

Lập, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Phạm Trường Tam